TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
**KHOA TIẾNG ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

**Môn học: Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức A1 (61GER3FL1)** **Số tín chỉ: 3**

**Ngày thi cuối kỳ: .....**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | CC [10%] | BT[0%] KT[30%] | Thi [60%] | Điểm TKHP | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1707010091 | Nguyễn Phương Ngân | Hà | 22/01/1999 | 10.0 | 8.8 | 7.7 | 8.3 | |
| 2 | 1807010004 | Bùi Thị Hải | Anh | 25/10/2000 | 10.0 | 9.2 | 8.2 | 8.7 | |
| 3 | 1807090076 | Lâm Đức | Ngọc | 15/10/1999 | 9.5 | 9.6 | 9.2 | 9.4 | |
| 4 | 1907010028 | Tạ Quỳnh | Anh | 30/01/2001 | 9.5 | 8.4 | 9.2 | 9.0 | |
| 5 | 1907010035 | Nguyễn Thị | Ánh | 14/05/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.0 | 8.6 | |
| 6 | 1907010044 | Lâm Thu | Cúc | 27/11/2001 | 9.5 | 9.6 | 9.1 | 9.3 | |
| 7 | 1907010052 | Trần Thị Linh | Chi | 29/09/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.5 | 8.9 | |
| 8 | 1907010057 | Lê Anh | Dũng | 07/10/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.0 | 8.8 | |
| 9 | 1907010064 | Phạm Thị Hồng | Duyên | 21/10/2001 | 10.0 | 7.2 | 8.0 | 8.0 | |
| 10 | 1907010082 | Phạm Thị Thu | Hà | 14/02/2001 | 10.0 | 9.2 | 6.7 | 7.8 | |
| 11 | 1907010090 | Lê Mai | Hạnh | 15/06/2001 | 10.0 | 8.4 | 7.1 | 7.8 | |
| 12 | 1907010112 | Ngô Phương | Hoa | 26/02/2001 | 10.0 | 10.0 | 7.1 | 8.3 | |
| 13 | 1907010118 | Đỗ Như | Hồng | 15/06/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.6 | 8.9 | |
| 14 | 1907010124 | Đào Tuấn | Huy | 30/09/2001 | 10.0 | 9.2 | 7.2 | 8.1 | |
| 15 | 1907010158 | Nguyễn Vũ Phương | Linh | 19/08/2001 | 10.0 | 9.6 | 7.7 | 8.5 | |
| 16 | 1907010170 | Nguyễn Thành | Long | 09/04/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.8 | 9.3 | |
| 17 | 1907010196 | Lê Quang | Nam | 16/11/2001 | 10.0 | 9.2 | 9.2 | 9.3 | |
| 18 | 1907010209 | Nguyễn Phượng | Nghi | 01/12/2001 | 10.0 | 10.0 | 9.5 | 9.7 | |
| 19 | 1907010232 | Hoàng Thị Kim | Oanh | 08/04/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.6 | 9.0 | |
| 20 | 1907010233 | Nguyễn Thị Kim | Oanh | 20/02/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.9 | 9.1 | |
| 21 | 1907010244 | Vũ Thị | Phương | 30/06/2001 | 10.0 | 8.8 | 8.2 | 8.6 | |
| 22 | 1907010261 | Ngô Thủy | Tiên | 10/01/2001 | 10.0 | 8.8 | 8.3 | 8.6 | |
| 23 | 1907010264 | Bùi Thị | Tĩnh | 18/08/2001 | 10.0 | 8.0 | 8.2 | 8.3 | |
| 24 | 1907010266 | Đỗ Thanh Thanh | Tú | 20/03/2001 | 10.0 | 9.6 | 9.5 | 9.6 | |
| 25 | 1907010320 | Nguyễn Ngọc Bảo | Trâm | 08/05/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.0 | 8.6 | |
| 26 | 1907010321 | Lê Thị Kiều | Trinh | 29/01/2001 | 10.0 | 10.0 | 9.2 | 9.5 | |
| 27 | 1907010324 | Đào Thị Vân | Uyên | 02/07/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.0 | 8.8 | |
| 28 | 1907010342 | Hồ Minh | Quang | 12/06/2000 | 10.0 | 9.1 | 8.0 | 8.5 | |
| 29 | 1907010349 | Hoàng Văn | Huy | 07/12/2000 | 10.0 | 9.6 | 8.0 | 8.7 | |
| 30 | 1907020055 | Trần Thị Thu | Hằng | 01/08/2001 | 9.0 | 9.2 | 7.7 | 8.3 | |
| 31 | 1907020072 | Phương Ngọc | Huyền | 20/06/2001 | 10.0 | 8.8 | 8.0 | 8.4 | |
| 32 | 1907020083 | Bùi Nguyên | Khánh | 27/08/2001 | 10.0 | 9.2 | 7.7 | 8.4 | |
| 33 | 1907020085 | Nguyễn Vũ Nhật | Lam | 21/06/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.8 | 9.2 | |
| 34 | 1907020095 | Phạm Ngọc | Linh | 10/07/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.0 | 8.8 | |
| 35 | 1907020112 | Bùi Thị Bích | Ngọc | 06/03/2000 | 10.0 | 10.0 | 8.0 | 8.8 | |
| 36 | 1907020120 | Nguyễn Thị Kim | Oanh | 06/10/2001 | 10.0 | 8.4 | 8.3 | 8.5 | |
| 37 | 1907030030 | Phùng Hương | Giang | 06/06/2001 | 9.0 | 8.0 | 6.8 | 7.4 | Nợ HP |
| 38 | 1907040019 | Nguyễn Thị Ngọc | Anh | 14/01/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.7 | 9.1 | |
| 39 | 1907040033 | Nguyễn Thị Ngọc | Ánh | 20/09/2001 | 10.0 | 8.8 | 7.2 | 8.0 | |
| 40 | 1907040043 | Nguyễn Thị | Chinh | 04/03/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.3 | 8.7 | |
| 41 | 1907040113 | Nguyễn Hoàng | Lan | 27/08/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.0 | 8.8 | |
| 42 | 1907040119 | Dương Thùy | Linh | 16/01/2001 | 10.0 | 9.2 | 6.4 | 7.6 | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI
**KHOA TIẾNG ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

**Môn học: Ngoại ngữ 2 - tiếng Đức A1 (61GER3FL1)** **Số tín chỉ: 3**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Ngày sinh | CC [10%] | BT[0%] KT[30%] | Thi [60%] | Điểm TKHP | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | 1907040158 | Bùi Thị Hồng | Ngọc | 29/11/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.8 | 9.3 | |
| 44 | 1907040183 | Trần Hà | Phương | 30/10/2001 | 10.0 | 9.6 | 7.3 | 8.3 | |
| 45 | 1907040229 | Đinh Thùy | Trang | 07/04/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.3 | 8.7 | |
| 46 | 1907040247 | Trần Thị Thu | Trang | 20/10/2001 | 10.0 | 10.0 | 9.2 | 9.5 | |
| 47 | 1907040273 | Phạm Thị Hồng | Lý | 14/01/2001 | 10.0 | 10.0 | 6.7 | 8.0 | |
| 48 | 1907060093 | Nguyễn Thị Ngọc | Linh | 12/06/2001 | 9.0 | 8.8 | 7.1 | 7.8 | Nợ HP |
| 49 | 1907060099 | Tạ Bích | Loan | 16/08/2001 | 10.0 | 10.0 | 9.7 | 9.8 | |
| 50 | 1907060125 | Nguyễn Quang | Ngọc | 03/11/2001 | 9.0 | 10.0 | 8.9 | 9.2 | |
| 51 | 1907060137 | Nguyễn Hồng | Nhung | 04/09/2000 | 10.0 | 9.2 | 8.5 | 8.9 | |
| 52 | 1907060138 | Phạm Thị Hồng | Nhung | 20/12/2001 | 10.0 | 10.0 | 7.0 | 8.2 | |
| 53 | 1907060170 | Nguyễn Phương | Thùy | 25/09/2001 | 10.0 | 8.4 | 8.0 | 8.3 | |
| 54 | 1907060191 | Vũ Thảo | Vi | 18/11/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.3 | 9.0 | |
| 55 | 1907070047 | Nghiêm Nhuệ | Hương | 09/12/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.8 | 9.2 | |
| 56 | 1907070096 | Trần Mỹ | Phượng | 02/10/2001 | 10.0 | 8.8 | 9.5 | 9.3 | |
| 57 | 1907070125 | Nguyễn Tạ Kiều | Trinh | 07/02/2001 | 10.0 | 10.0 | 9.5 | 9.7 | |
| 58 | 1907080006 | Phạm Phương | Anh | 07/10/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.9 | 9.2 | |
| 59 | 1907080016 | Nguyễn Thị Linh | Chi | 20/01/2000 | 10.0 | 9.6 | 7.1 | 8.1 | |
| 60 | 1907080042 | Trần Ngọc | Linh | 12/04/2001 | 10.0 | 9.2 | 8.8 | 9.0 | |
| 61 | 1907080046 | Đàm Hạnh | Mai | 21/03/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.8 | 9.2 | |
| 62 | 1907080066 | Nguyễn Thị Bích | Phượng | 22/05/2001 | 10.0 | 9.2 | 7.4 | 8.2 | |
| 63 | 1907090081 | Nguyễn Thị Tố | Như | 09/01/2001 | 10.0 | 10.0 | 8.3 | 9.0 | |
| 64 | 1907100023 | Trần Thị Kim | Liên | 16/08/2001 | 10.0 | 9.6 | 8.5 | 9.0 | |
| 65 | 1907100048 | Nguyễn Thảo | Vân | 29/05/2000 | 10.0 | 10.0 | 8.8 | 9.3 | |
| 66 | 2007010103 | Lưu Thị | Hoài | 14/04/2002 | 10.0 | 8.0 | 8.3 | 8.4 | |
| 67 | 2007010161 | Trần Khiết | Linh | 10/11/2002 | 10.0 | 9.2 | 9.2 | 9.3 | |
| 68 | 2007010189 | Lê Ngọc Trà | My | 12/10/2002 | 10.0 | 10.0 | 10.0 | 10.0 | |
| 69 | 2007010334 | Trần Cao | Trí | 17/03/2002 | 10.0 | 9.2 | 8.5 | 8.9 | |
| 70 | 2007060051 | Vũ Nhật | Hạ | 28/05/2002 | 10.0 | 9.6 | 7.7 | 8.5 | |
| 71 | 2007080068 | Tạ Minh | Tùng | 23/11/2002 | 10.0 | 9.6 | 8.9 | 9.2 | |
| 72 | 2007090015 | Nguyễn Trí | Cương | 30/09/2002 | 9.5 | 9.2 | 8.7 | 8.9 | |

*Hà Nội, ngày tháng năm 20*

**Người lập biểu** **Khoa Tiếng Đức**